

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 - 12 - 2021.  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Điệt;

Ông Sơn Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Phước Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hồng L; Cư trú tại: Số 188, ấp Hòa L, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn T; Cư trú tại: Ấp Tà A, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:* Bà Nguyễn Thị B; Cư trú tại: Đường Hùng V, ấp Cầu Đ, Thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Tuấn T (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Hồng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng L và anh Nguyễn Tuấn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 114 ngày 29 tháng 8 năm 2018, đến ngày 20 tháng

9 năm 2018 chị L và anh T tổ chức đám cưới. Anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 23/11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh T không còn chung sống với nhau từ ngày 23/11/2019 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019, con đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Trần Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T.

- Về con chung: Chị Trần Hồng L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Quế C sinh ngày 01/12/2019 đến khi con đủ 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01 tháng 10 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Tuấn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn T và chị Trần Hồng L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 114 ngày 29 tháng 8 năm 2018, đến ngày 20 tháng 9 năm 2018 chị L và anh T tổ chức đám cưới, hôn nhân của anh chị tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 23/11/2019 chị L về nhà mẹ ruột chơi và không về chung sống với anh T từ ngày 23/11/2019 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019, con đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Qua yêu cầu của chị Lan về quan hệ hôn nhân thì anh T đồng ý ly hôn, về con chung anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019 cho chị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bà Nguyễn Thị B trình bày: Chị L và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung tên Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019, chị L đang nuôi yêu cầu tiếp tục nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T; Đồng ý giao con chung Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019 cho chị L nuôi dưỡng

đến khi con tròn 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị L và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó anh chị không còn sống chung cho đến nay; Về con chung tên Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019 đang sống chung với chị L, tiếp tục giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại ấp Tà Á, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Hồng L và anh Nguyễn Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 114 ngày 29 tháng 8 năm 2018. Như vậy, quan hệ hôn

nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, chị L và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2019, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh Tài để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh T không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ và anh T có văn bản trình bày là anh T đồng ý ly hôn, cho thấy anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019, hiện nay đang sống chung chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu Quế C còn quá nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, từ khi anh chị không còn chung sống với nhau thì cháu Quế C sống chung với chị L, chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn anh T không trực tiếp chăm sóc cháu Quế C, nên về mặt tình cảm thì cháu Quế C gần bó và yêu mến chị L nhiều hơn anh T, hơn nữa cháu Quế C là giới nữ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, điều kiện chăm sóc của chị L thuận lợi hơn anh T, nhằm ổn định cuộc sống cho cháu Quế C. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01/12/2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Quế C đủ 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trần Hồng L và anh Nguyễn Tuấn T.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung Nguyễn Trần Quế C, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Quế C đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007545 ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã An N, huyện Châu T,  
Tỉnh Sóc T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Thị Kiều Oanh**